

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2022.

Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Viết Dục.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hữu Hậu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1992/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 303/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ: 59/6, khu phố B, phường TH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

**Bị đơn:** Ông Đinh Văn Đ, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: 34/8A, tổ 23, khu phố HA, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đinh Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ không chăm lo cho gia đình vợ con, bất đồng quan điểm về lối sống, sinh hoạt, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không còn tình cảm với ông Đ nên bà xin được ly hôn.

-Về con chung: Giữa bà và ông Đ có 01 con chồngung tên Đinh Ngọc Lan Chồnggi, sinh ngày 09/5/2014. Ly hôn bà xin nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

-Về Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án gồm có: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn ông Đinh Văn Đ đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được. Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ vẫn vắng mặt.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:*

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý chồnggo đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chồngáp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Về con chung: Đề nghị giao cho bà H nuôi, tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Do hiện nay chưa có lời khai của ông Đ nên không có cơ sở xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật. Về án phí bà Hồng phải chồnggiu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chồngứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Tuyết H khởi kiện tranh chồngáp ly hôn, bị đơn ông Đinh Văn Đ có địa chỉ cư trú tại 34/8A, tổ 23, khu phố HA, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn là ông Đinh Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 162, quyển số 01/2011 ngày 17/6/2011. Căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân giữa bà H và

ông Đ xác định là hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành để giải quyết việc bà H xin ly hôn với ông Đ.

Theo bà H thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông Đ không chăm lo cho gia đình vợ con, bất đồng quan điểm về lối sống, sinh hoạt. Qua xác minh thì mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ địa phương không rõ do đương sự không trình báo, hiện bà H không còn chung sống với ông Đ tại khu phố 2A, phường Long Bình nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Đ đến Tòa án để tham gia hòa giải, nhưng ông Đ vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa hôm nay ông Đ vẫn vắng mặt, cho thấy ông Đ không còn tha thiết với việc hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân vợ chồng giữa bà H và ông Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông Đ.

[4] Về con chồngung: Giữa bà H và ông Đ có 01 con chồngung tên Đinh Ngọc Lan C, sinh ngày 09/5/2014. Ly hôn bà H xin được nuôi các con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu C còn nhỏ, đang ở với bà H, cần giao cháu C cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà H không yêu cầu nên tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chồngung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chồngung và nợ chồngung: Bà H xác định tài sản chồngung tự thỏa thuận, về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, do ông Đ vắng mặt, không có lời khai nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bà H phải chồnggiu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

-Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chồngáp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết H.

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với ông Đinh Văn Đ.

2.Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc Lan C, sinh ngày 09/5/2014 cho bà H trực tiếp trông nom, chồngẵm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chồngưng do bà H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi íchhồng của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chồnggiu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0000489, ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Bà H đã nộp xong tiền án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, ông Đinh Văn Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- THADS TP Biên Hòa;
- UBND P.Tân Hòa, TP.Biên Hòa, T.Đồng Nai (GCN số 162, quyền số 01/2011);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chồngủ tọa phiên tòa**

**Trịnh Viết Được**